

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2023/HNGĐ - ST
Ngày 14- 11 – 2023
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc San là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Ngày 14 tháng 11 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 505/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị C – sinh năm: 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn C1 – sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại phiên họp ngày 19 tháng 9 năm 2023 nguyên đơn chị Huỳnh Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn C1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, đến ngày 05/07/2016 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Gia đình hai bên đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng không còn tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể hàn gắn được mối quan hệ vợ chồng. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn C1.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có ba người con chung tên là **Bùi Vĩnh K**, sinh ngày 26/02/2001; **Bùi Thị T**, sinh ngày 01/06/2011 và **Bùi Thị Phương T1**, sinh ngày 06/02/2013. Hiện nay cháu **K** đã trưởng thành, có sức khỏe bình thường tự lao động nuôi sống bản thân được không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu **Bùi Thị T** và **Bùi Thị Phương T1** hiện tại đang sống chung với chị. Chị yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **T** và cháu **T1**. Không yêu cầu anh **C1** cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị **C** xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị **C** xác định vợ chồng chị không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh **Bùi Văn C1** kể từ khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập để xét xử nhưng anh **Bùi Văn C1** vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị **Huỳnh Thị C**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn anh **Bùi Văn C1** đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh **C1** vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **C1** theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp giữa chị **Huỳnh Thị C** và anh **Bùi Văn C1** là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh **Bùi Văn C1** có địa chỉ tại **ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau** nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về Hôn nhân*: Chị **Huỳnh Thị C** và anh **Bùi Văn C1** kết hôn vào ngày 05/6/2016 tại **UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau** nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị **Huỳnh Thị C** yêu cầu được ly hôn với anh **Bùi Văn C1** do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi với nhau, vợ chồng không còn tiếng nói chung, anh **C1** thường xuyên nhậu nhẹt về gây sự với chị.

Đối với yêu cầu này của chị **C** Hội đồng xét xử thấy rằng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án anh **C1** không có ý kiến bằng văn bản hay tự mình đến Tòa án thể hiện ý kiến của anh về yêu cầu ly hôn của chị **C**. Tại phiên Tòa hôm nay anh **C1** cũng không tham gia để thể hiện ý kiến của anh về việc chị **C**

yêu cầu được ly hôn với anh. Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị **C** và anh **C1** đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **C** đối với anh **C1**. Chấp nhận cho chị **Huỳnh Thị C** được ly hôn với anh **Bùi Văn C1** là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung*: Chị **Huỳnh Thị C** xác định vợ chồng chị có ba người con chung tên là **Bùi Vĩnh K**, sinh ngày 26/02/2001; **Bùi Thị T**, sinh ngày 01/06/2011 và **Bùi Thị Phương T1**, sinh ngày 06/02/2013. Hiện nay cháu **K** đã trưởng thành, có sức khỏe bình thường tự lao động nuôi sống bản thân được không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **T** và cháu **T1**. Không yêu cầu anh **C1** cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy đối với cháu **Bùi Vĩnh K** đã đủ tuổi trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân được nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu **Bùi Thị T** và **Bùi Thị Phương T1** từ trước đến nay các cháu được chị **C** chăm sóc nuôi dưỡng đã ổn định, có sức khỏe bình thường. Mặt khác theo biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 9 năm 2023 cháu **T** và cháu **T1** có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống với mẹ là chị **C**. Anh **C1** từ trước đến nay không có ý kiến gì về việc nuôi con nên yêu cầu của chị **C** là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu **Bùi Thị T**, sinh ngày 01/06/2011 và **Bùi Thị Phương T1**, sinh ngày 06/02/2013 cho chị **Huỳnh Thị C** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh **C1** không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị **Huỳnh Thị C** không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung*: Chị **Huỳnh Thị C** xác định tài sản chung vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3.4] *Về nợ chung*: Chị **Huỳnh Thị C** xác định trong thời gian chung sống vợ chồng chị không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị **Huỳnh Thị C** phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các điều 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị C.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Thị C được ly hôn với anh Bùi Văn C1.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị T, sinh ngày 01/06/2011 và Bùi Thị Phương T1, sinh ngày 06/02/2013 cho chị Huỳnh Thị C trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Bùi Văn C1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bùi Văn C1 không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con của chị Huỳnh Thị C.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009469 ngày 05 tháng 9 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Chị Huỳnh Thị C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Bùi Văn C1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị Huỳnh Thị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tuyên án. Anh Bùi Văn C1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã Trần Thới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Ngân

